

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/DS-ST  
Ngày 21 – 8 – 2023  
V/v tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Hiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đông Hồ.

Bà Trần Thị Min.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2023 và các lời khai tại Tòa án bà Nguyễn Thị Bé T (nguyên đơn) trình bày:*

Vào ngày 18/10/2022 âl bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Hồng N vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay phục vụ cuộc sống gia đình, biên nhận do bà N viết, vợ chồng cùng ký tên, từ khi vay đến nay không có đóng lãi.

Tiếp đến ngày 06/12/2022 bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Hồng N vay thêm số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay phục vụ cuộc sống gia đình, biên nhận do bà N viết, chỉ có bà N ký tên biên nhận, ông P không có ký tên, người nhận tiền là bà N, từ khi vay đến nay không có đóng lãi và trả vốn. Lý do, lần đầu chưa đóng lãi nhưng vẫn cho vay lần 2 là do ông P bị bệnh và thấy có khả năng thanh toán (có tài sản, đất).

Sau đó, bà đã yêu cầu vợ chồng ông P, bà N trả vốn cho bà nhiều lần nhưng ông P và bà N hứa mà không thực hiện. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông P và bà N trả số tiền vốn 350.000.000 đồng và tiền lãi 32.000.000 đồng. Sau đó, tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/6/2023 và tại phiên tòa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P và bà N trả lại cho bà số tiền vốn là 350.000.000 đồng và tiền lãi 26.000.000 đồng đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi 20%/năm; tiền lãi 7.500.000 đồng đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng, lãi 10%/năm. Tổng vốn, lãi yêu cầu ông P và bà N phải trả là 383.500.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Hồng N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T nhưng ông P và bà N không có ý kiến. Tòa án thông báo đề ông P và bà N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông P và bà N vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Hồng N tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông P và bà N vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T với bị đơn ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Hồng N là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Hồng N có địa chỉ cư trú tại ấp Lý Án, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Hồng N trả số tiền vốn 350.000.000 đồng và tiền lãi 32.000.000 đồng, chịu lãi phát sinh đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P và bà N trả lại cho bà số tiền vốn là 350.000.000 đồng và tiền lãi 26.000.000 đồng đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi 20%/năm; tiền lãi

7.500.000 đồng đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng, lãi 10%/năm. Tổng vốn và lãi là 383.500.000 đồng.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà T, triệu tập ông P và bà N nhiều lần nhưng ông P và bà N đều vắng mặt, ông P và bà N trực tiếp ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình nên mặc nhiên ông P và bà N thừa nhận số nợ bà T yêu cầu. Mặt khác, bà T có cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 18/10/2022 âl, nội dung thể hiện ông P và bà N có vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng, ông P và bà N có ký tên vào biên nhận; biên nhận ngày 06/12/2022 âl, nội dung thể hiện bà N và ông P có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng nhưng biên nhận chỉ có bà N ký tên. Thấy rằng, mặc dù biên nhận ngày 06/12/2022 âl chỉ có bà N trực tiếp ký tên và nhận tiền nhưng bà N cũng ghi rõ vợ chồng cùng vay, mục đích vay tiền là để xoay sở trong gia đình, ông P không có ký tên vào biên nhận nhưng trước đó ngày 18/10/2022 ông P và bà N cũng có hỏi vay tiền của bà T, vợ chồng cùng ký tên biên nhận. Hơn nữa, ngày 19/5/2023 ông P trực tiếp ký nhận thông báo thụ lý vụ án biết rõ nội dung yêu cầu của bà T là yêu cầu vợ chồng ông P và bà N trả số tiền vốn, lãi 382.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông P và bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn là 350.000.000 đồng.

Đối với số tiền vốn 200.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, tiền lãi bà T yêu cầu tính từ ngày làm biên nhận 18/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 26.000.000 đồng và tiền lãi 7.500.000 đồng của số tiền vốn 150.000.000 đồng, lãi 10%/năm tính từ ngày làm biên nhận ngày 06/12/2022 âl đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất được Hội đồng xét xử chấp nhận do không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật dân sự. Đối với số tiền lãi bà T yêu cầu ông P và bà N trả tổng số tiền 33.500.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, tổng số tiền vốn, tiền lãi ông P và bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà T là 383.500.000 đồng. Ngoài ra, ông P và bà N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thanh toán nếu chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông P và bà N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5% đối với tổng số tiền 383.500.000 đồng phải trả cho bà T là 19.175.000 đồng.

Bà T không phải dự nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

**[1] Về nội dung:**

Buộc ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé T tổng số tiền 383.500.000 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**[2] Về án phí:**

Ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 19.175.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị Bé T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Hồng N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Hiền**

